

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-01-2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Máy
2. Ông Lê Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Lan Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Thị Vân E**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp T L, xã T L Đ, huyện C T, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp T L, xã T L Đ, huyện C T, Tiền Giang.

(Chị V E có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Vân E trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L Đ, huyện C T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 05/01/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng hiện đã ly thân cách nay khoảng một năm. Nay chị V E yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có ba con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/11/2009; Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/11/2012. Hiện cháu N đang sống cùng anh T, hai cháu T và Đ đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T và Đ, chị đồng ý giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị V E kết hôn năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L Đ, huyện C T, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V E tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở dù anh có nhiều lần đến rước nhưng chị E vẫn không chịu về sống cùng anh. Nay chị E xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh và chị V E có ba con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/11/2009, hiện đang sống cùng anh; Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/11/2012, hiện hai con đang sống cùng chị E. Trường hợp Tòa cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu chị V E cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý giao cháu T và Đ cho chị V E trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị V E vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Minh T và Nguyễn Minh Đ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị V E đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh

N cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V E, về con chung giao cháu T và Đ cho chị V E trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị V E và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – **Về tố tụng:** Bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Lê Thị Vân E yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V E, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị Lê Thị Vân E và anh Nguyễn Văn T xác lập hôn nhân vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V E, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị V E và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con. Đối với lời trình bày của anh T không đồng ý ly hôn với chị V E nhưng anh T không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời tại phiên tòa anh T vắng mặt chứng tỏ anh T cũng không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do vậy chị V E xin được ly hôn với anh T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2.3] Về con chung: Chị V E và anh T khai thống nhất có ba con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/11/2009; Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/11/2012. Xét thấy hiện cháu N đang sống cùng anh T, cháu T và Đ hiện đang sống cùng chị V E. Do đó để đảm bảo ổn định về mặt tâm sinh lý cũng như môi trường sống, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, giao hai cháu T và Đ cho chị V E nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu N là muốn sống cùng anh T.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V E và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V E và anh T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị V E phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 80, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Vân E.

- Chị Lê Thị Vân E được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/11/2012 cho chị V E trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/11/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V E và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh chị chưa có yêu cầu.

Chị V E và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị V E phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị V E đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng áp phí theo biên lai thu số 26539 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- UBND xã T L Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh